

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2013**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
CHƯƠNG DƯƠNG**



Mục lục

I. Phát Biểu Của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	04
II. Tổng Quan Về Công Ty	07
III. Mục Tiêu Và Chiến Lược Của Công Ty	09
IV. Sơ Đồ Tổ Chức Và Cơ Cấu Quản Lý	10
V. Thông Tin Sản Phẩm	19
VI. Tóm Tắt Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh 5 Năm 2008 - 2012	34
VII. Báo Cáo Của Ban Điều Hành Nhiệm Kỳ 2008 - 2012	36
VIII. Báo Cáo Của Ban Kiểm Soát	40
IX. Chỉ Tiêu Kế Hoạch 2013 Và Kế Hoạch 5 Năm 2013 - 2018	45
X. Báo Cáo Tài Chính Năm 2013 Được Kiểm Toán Bởi AASCN	47



“ Tôi tin tưởng rằng, công ty cổ phần nước giải khát Chương Dương sẽ tiếp tục vươn lên, khẳng định hướng đi đúng của mình dựa trên cơ sở khai thác tiềm năng và lợi thế hiện có, đổi mới và hội nhập thành công nền kinh tế khu vực và thế giới, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp ngày càng nhiều hơn cho sự đi lên của thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước Việt Nam nói chung, xứng đáng với sự tin yêu của Đảng và Nhà nước. ”

I. PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông !

Lời đầu, thay mặt Hội Đồng Quản Trị Công ty Chương Dương tôi chân thành cảm ơn Quý Cổ Đông, Khách hàng, nhà cung cấp trong và ngoài nước, ghi nhận đóng góp của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty đã luôn đồng hành, chia sẻ, tin nhiệm và tin tưởng thương hiệu sản phẩm Sà Xị Chương Dương nói riêng và thức uống giải khát của Chương Dương nói chung. Đó chính là động lực giúp Hội Đồng Quản Trị và toàn thể CBCNV Công ty Chương Dương chúng tôi luôn cố gắng, phấn đấu và nỗ lực hết mình để hoàn thành sứ mệnh trong suốt thời gian qua và tiếp tục vững tin phát triển Công ty ngày càng phồn vinh trong giai đoạn tới.

Năm 2012, đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức tuy chưa đạt được kết quả theo Nghị quyết nhưng Công ty cũng đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 5% về chỉ tiêu lợi nhuận, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2011.

Trong nhiệm kỳ 5 năm 2013-2018, Chương Dương vẫn cần phải nỗ lực rất nhiều để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch, cụ thể trong năm 2013 này, để giành lại thị phần, đạt được các chỉ tiêu tăng trưởng sản lượng, doanh thu đảm bảo lợi nhuận để thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước, cổ tức cho cổ đông, phúc lợi cho công nhân viên..., Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty phải tập trung vào các trọng tâm :

- ❖ Quản trị doanh nghiệp khéo léo, ổn định nhân sự để thực hiện thật tốt các mục tiêu đã đề ra.
- ❖ Toàn thể nhân sự đều phải nâng cao năng lực làm việc, sáng tạo và cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ ở mỗi vị trí đảm nhiệm.
- ❖ Kiểm soát, sử dụng tối ưu các nguồn lực để có thể tiết kiệm chi phí hợp lý nhất nhằm gia tăng giá trị công ty.

Sau cùng xin kính chúc Quý vị cổ đông, toàn thể CBCNV Công ty, các cơ quan ban ngành tham dự Đại Hội sức khỏe và thịnh vượng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2013

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

HOÀNG CHÍ THÀNH



II. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1952

Tiến thân là nhà máy USINE BELGIQUE trực thuộc tập đoàn B.G.I (Pháp quốc). Từ đó đến trước năm 1975, là nhà máy sản xuất nước giải khát lớn nhất Miền Nam Việt Nam.

Năm 1977

Nhà máy được tiếp quản bởi Nhà nước và trở thành nhà máy quốc doanh với tên gọi Nhà máy nước ngọt Chương Dương.

Năm 2004

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá các công ty quốc doanh, Công ty chính thức chuyển đổi chuyển thành Công ty Cổ phần Nước giải Khát Chương Dương, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp phép kinh doanh ngày 02/06/2004, số giấy phép 4103002362.

Năm 2006

Công ty hân hạnh được chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng Huân Chương Lao Động Hạng Nhất về thành tích xuất sắc trong lao động từ năm 2002-2006.

Trong giai đoạn từ khi cổ phần hoá đến nay

Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương đã nhận được nhiều giấy khen, bằng khen của các cấp từ địa phương đến trung ương vì đã góp phần vào sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

Năm 2012

Dấu ấn kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Công ty nước giải khát Chương Dương.

17 năm liền được người tiêu dùng tin nhiệm bình chọn danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao do báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất kinh doanh các loại đồ uống.

Sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ liên quan đến lĩnh vực đồ uống.

Kinh doanh nhà.

Môi giới bất động sản.

CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

VITA : 577 Hùng vương, P.12, Q6

4C Gò Dầu - Quận Tân Phú - TP. HCM

CHI NHÁNH TẠI VĨNH LONG

176/5 Phạm Hùng - Phường 9

Thị xã Vĩnh Long - Tỉnh Vĩnh Long.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

606 Võ Văn Kiệt - P. Cầu Kho - Q.1 - Tp.HCM

Điện thoại : (08) 3836.7518 - 3836.8747

Fax : (08) 3836.7176

Website : www.chuongduong.com.vn

www.cdbeco.com.vn



Dự án cao ốc văn phòng
577 Hùng Vương, Quận 6

Dự án Nhà máy sản xuất NGK
công suất 50 triệu lít / năm tại KCN
Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương



III. MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC CỦA CÔNG TY

Mục tiêu ngắn hạn:

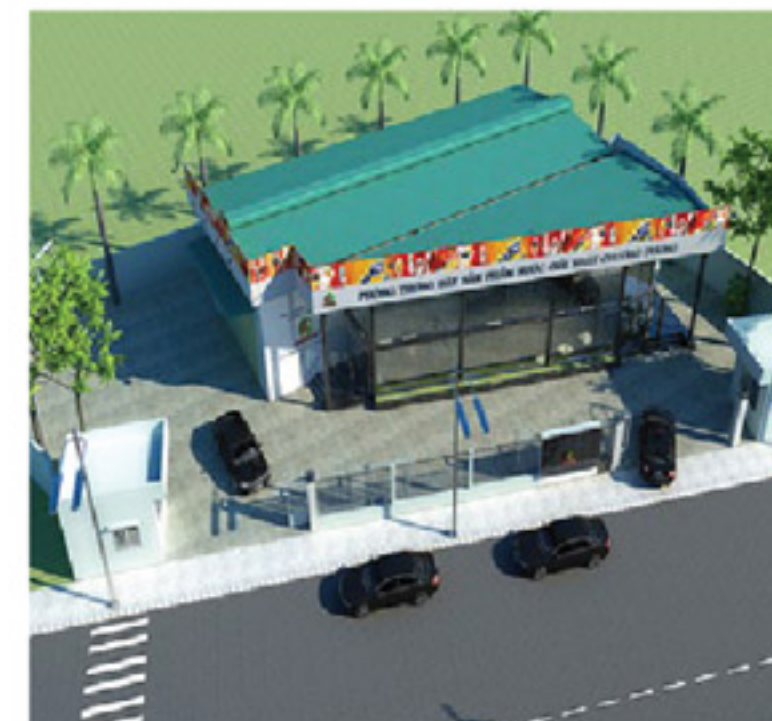
- Ổn định tổ chức nhân sự, hoàn thiện cơ cấu quản lý toàn Công ty.
- Hoàn thành tối thiểu kế hoạch sản lượng tiêu thụ 32 triệu lít và phần đầu đạt 38 triệu lít.
- Đầu tư cho thị trường để lấy lại thị phần bị giảm sút trong năm 2012.
- Đầu tư mua sắm thay thế một số máy móc, thiết bị quá cũ kỹ để có thể tiết giảm lao động tay chân trong năm 2014 hoặc quý III/2013.

Chiến lược phát triển dài hạn:

- Cùng cố và phát triển hệ thống phân phối, tăng độ bao phủ sản phẩm để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013-2017.
- Phân đầu phát triển bền vững để trở thành một trong những Công ty sản xuất nước giải khát nội địa hàng đầu tại Việt Nam.
- Đa dạng hoá sản phẩm có giá trị dinh dưỡng nhằm đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng.
- Đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, hợp tác đầu tư khai thác kinh doanh bất động sản tại 606 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh (trước đây là 379 Bến Chương Dương).

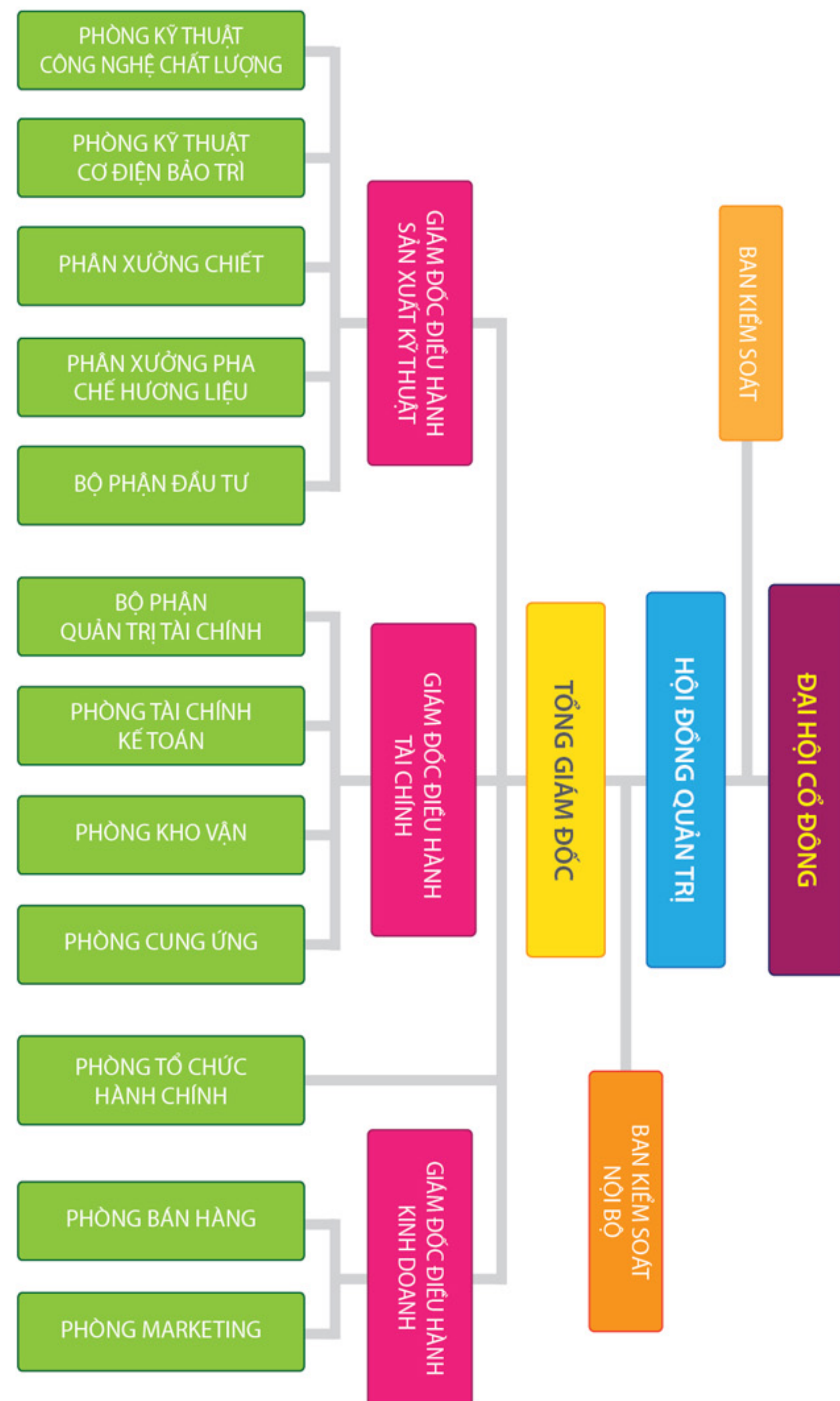
Cam kết với cộng đồng và xã hội:

- Sản xuất và cung cấp sản phẩm chất lượng đảm bảo an toàn cho sức khỏe con người.
- Chung tay cùng cộng đồng để bảo vệ môi trường sạch và xanh.
- Tuân thủ luật pháp, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách theo đúng quy chế, quy định.





IV. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HIỆN TẠI



ÔNG BUI NGOC HANH - CHỦ TỊCH

Tốt nghiệp cử nhân kinh tế chuyên ngành tài chính kế toán.

Trước năm 2006 : Phó phòng TCKT của SABECO.

Từ năm 2006 - 2008 : Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm trưởng ban kiểm soát của SABECO.

Từ năm 2008 đến nay : Ủy viên HĐQT của SABECO. Thời gian này Ông cũng là ủy viên HĐQT của CDBECO và được bầu làm chủ tịch HĐQT của CDBECO từ tháng 5/2011 đến hết tháng 10/2012.



ÔNG HOANG CHI THANH - ỦY VIÊN

Tốt nghiệp cử nhân kinh tế và cử nhân luật.

Trước năm 2005 : Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Bia Rượu nước giải khát Sài Gòn (SABECO) kiêm chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty liên doanh Bia Sài Gòn Phú Yên.

Từ năm 2005 - 2011 : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc của CDBECO, kiêm chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần nước khoáng DAKAI năm 2008.

Từ tháng 5/2011 đến nay : Ủy viên HĐQT của CDBECO và là chuyên viên HĐQT của SABECO

Từ năm 2005 - 2011 : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc của CDBECO.

Từ tháng 5/2011 đến tháng 10/2012 : Ủy viên HĐQT của CDBECO và là chuyên viên Hội đồng quản trị của SABECO

Từ tháng 11/2012 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần nước giải khát Chương Dương, quyền Tổng Giám Đốc của CDBECO thay thế cho Ông Bùi Ngọc Hạnh và Ông Võ Văn Tân từ nhiệm từ tháng 11/2012.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HIỆN TẠI

ÔNG LÊ TUẤN - ỦY VIÊN

Từ năm 2000-2004 : Giám đốc điều hành Công ty TNHH công nghệ mới TS.

Từ năm 2004-2009 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn & đầu tư mạo hiểm.

Năm 2009 tới nay : Chủ tịch Hội đồng Quản trị của các Công ty

Công ty CP Tư vấn và Đầu tư mạo hiểm (VC Invest®)

Công ty CP Đồ uống và Thực phẩm Mekong

Công ty TNHH MTV ĐTPT Thủy điện Nam Leng

Công ty CP ĐTPT Du lịch – Khách sạn Tiền Giang

Công ty CP ĐTPT Khu Đô thị biển Mũi Né – Marina

Công ty CP ĐTPT Hạ tầng cơ sở và Khu công nghiệp Tiền Giang

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc công ty CP Đầu tư Phát triển không gian ngầm.

Năm 2010 tới nay: Phó Chủ tịch Hội Người Đi Biển Việt Nam kiêm Chủ tịch Chi Hội Người Đi Biển Việt Nam TP Hồ Chí Minh kiêm Trưởng văn phòng đại diện Hội Người Đi Biển Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh.



ÔNG VÕ VĂN TÂN - Từ nhiệm từ tháng 11/2012

Tốt nghiệp đại học Bách Khoa TP.Hồ Chí Minh năm 1983 chuyên ngành Kỹ sư cơ khí.

Từ trước năm 2004 : PGĐ Kỹ Thuật Cty NGK Chương Dương.

Từ 2004 – 2007 : PGĐ Kinh Doanh và là ủy viên HĐQT CTY CP NGK Chương Dương.

Từ 2007 – 2011 : Giám đốc Đầu Tư CTY CP NGK Chương Dương.

Từ 2011 – tháng 11/2012 : Quyền Tổng Giám Đốc - ủy viên HĐQT CTY CP NGK Chương Dương.

Đến tháng 12/2012 : Bãi nhiệm thành viên HĐQT công ty Chương Dương và thôi giữ chức vụ Quyền Tổng Giám Đốc CDBECO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HIỆN TẠI

ÔNG PHẠM VIỆT BẮC - ỦY VIÊN

Tốt nghiệp cử nhân kinh tế bảo hiểm năm 1999 của Trường ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.

Cao học tài chính ứng dụng của Trường Đại Học Tổng Hợp Melbourne.

Từ năm 2001 – 2006 : Trưởng văn phòng đại diện của Bảo Hiểm PJICO Hưng Yên

Từ năm 2003 - 2006 : Công tác tại Công ty kiểm toán PwC, chuyên viên đầu tư của Indochina Capital, chuyên viên phụ trách dịch vụ quản lý quỹ của Deutsche Bank AG - VN.

Từ 2007 - nay : công tác tại Công ty quản lý quỹ SABECO, Công ty Jaccars. Hiện đang là Quyền Tổng Giám Đốc của Quỹ SABECO.

BAN KIỂM SOÁT

Ông Dương Chí Hùng Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Ông Hoàng Chí Thành Quyền Tổng giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Thuý Phượng Giám đốc tài chính
Ông Hoàng Quang Dũng Giám đốc sản xuất kỹ thuật

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Đỗ Thị Thanh Loan

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT - BAN ĐIỀU HÀNH - KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Ông Hoàng Chí Thành - chủ tịch HĐQT, Ông Bùi Ngọc Hạnh - Ủy viên HĐQT đại diện cho vốn góp của Tổng Công ty cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn (SABECO), nắm giữ 5.261.500 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 62%.
- Ông Lê Tuấn - ủy viên HĐQT đại diện cho Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư mạo hiểm, nắm giữ 1.100.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 12.94%.
- Ông Phạm Việt Bắc - ủy viên HĐQT đại diện cho Quỹ đầu tư SABECO 1 đến tháng 10 năm 2012, thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu SCD cho SABECO tháng 10/2012 và đến nay không còn nắm giữ cổ phiếu SCD.
- Các cá nhân là thành viên Ban Điều Hành và Kế toán trưởng Công ty không nắm giữ cổ phiếu SCD.
- Các thành viên Ban kiểm soát đại diện cho số lượng cổ phiếu sở hữu của các tổ chức Công ty cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn, Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư mạo hiểm, Quỹ SABECO 1 không có sở hữu cổ phiếu SCD riêng.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Những thay đổi trong ban điều hành

- Ngày 30/10/2012
Hội Đồng Quản Trị bầu ông Hoàng Chí Thành - ủy viên Hội đồng quản trị làm chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ngày 31/10/2012
Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm ông Hoàng Chí Thành giữ chức vụ Quyền Tổng Giám Đốc công ty.
- Ngày 16/01/2013
Bổ nhiệm chính thức ông Hoàng Quang Dũng làm Giám Đốc Điều Hành Kỹ Thuật Sản Xuất công ty.

Đến 31/12/2012, có 410 cán bộ và công nhân viên. Công ty áp dụng chính sách tiền lương, thưởng cho CBCNV trên nguyên tắc dân chủ, công bằng theo Quy chế trả lương, trả thưởng do Công ty xây dựng từ cuối năm 2009 đến nay



TẬP THỂ CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN CÔNG TY



Bà Nguyễn Thuý Phượng
Giám đốc tài chính



Ông Hoàng Quang Dũng
Giám đốc sản xuất kỹ thuật



Ông ... Dũng
Trưởng phòng tổ chức hành chính



NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY





GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CDBECO



► Nước giải khát có gas Saxe

Sản phẩm truyền thống của cty CP NGK Chương Dương và là sản phẩm mang hương vị độc đáo của Việt Nam được khách hàng rất ưa chuộng. Có thành phần quế và hồi hỗ trợ tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, làm ấm cơ thể.



Nước giải khát F5 Nha Đam

Đây là sản phẩm được sản xuất từ nước ép Nha Đam, không dùng phẩm màu và chất bảo quản, không gaz giúp bổ sung Vitamin C, đồng thời có tác dụng làm mát, giải nhiệt cho cơ thể, chống lão hóa, dưỡng nhan sắc, hỗ trợ tiêu hóa, chống táo bón, cải thiện tuần hoàn máu, hỗ trợ ngăn ngừa bệnh tiểu đường, tim mạch, tăng cường hệ miễn dịch và hỗ trợ chống viêm nhiễm.





Nước giải khát có gaz Soda water

Sản phẩm quen thuộc của Cty với vị đậm đà đặc trưng riêng, kết hợp chất gaz CO2 tinh khiết.

Đặc biệt, dùng pha chế với chanh + đường, hoặc rượu để tạo nên những thức uống độc đáo theo khẩu vị riêng của mỗi người.



Nước trái cây có gaz F5 Dứa Nha Đam

Dứa được xem là nguồn cung cấp Kali, Vitamin C, Enzyme Bromelain và một số vi lượng cần thiết hỗ trợ bảo vệ tim, tăng cường hệ miễn dịch, sự tiêu hóa, ngăn ngừa viêm nhiễm. Ngoài ra Dứa còn là nguồn cung cấp Mangan, là thành phần quan trọng trong một số Enzyme tạo năng lượng và chất chống Oxyt hóa..., cần thiết trong sự tạo xương, sụn và làn da đẹp. Nha đam là loại cây quý, có hoạt

tính sinh học cao, chống lão hóa, hỗ trợ: sự trao đổi chất, cải thiện tuần hoàn máu, ngăn ngừa bệnh tim mạch và bệnh tiểu đường. Sự kết hợp 2 trong 1 của F5 Dứa Nha Đam cùng với lượng gaz vừa đủ mang đến 1 hương vị thật đặc biệt với đầy đủ dưỡng chất và sẽ tuyệt vời hơn khi đã được ướp lạnh



Nước giải khát thảo mộc F5 Hạ Khô Thảo

Tên tiếng anh là Self Heal (tự hàn gắn), có thể sử dụng làm rau nấu canh, thức uống thảo mộc, trà thanh nhiệt. Chức năng thanh nhiệt, hỗ trợ chức năng gan, tốt cho cổ họng và mắt, giúp cơ thể phục hồi khi mệt, chống viêm nhiễm, làm lành các vết thương, các rối loạn nhỏ trong cơ thể, giảm triệu chứng khó chịu của bệnh cao huyết áp. Hạ khô thảo được tìm thấy nhiều ở Châu Âu, Bắc Mỹ, Châu Á và thường được sử dụng như trà thanh nhiệt. Khi uống F5 Hạ Khô Thảo bạn sẽ cảm thấy cơ thể phục hồi nhanh chóng khi bị mệt mỏi bởi cái nắng gay gắt của miền nhiệt đới, cuộc sống sẽ trở nên thú vị hơn.

Nước trái cây có gaz F5 Cà Rốt Tím

Tập hợp đầy đủ dưỡng chất trong màu tím tự nhiên, quyến rũ và hấp dẫn của nước ép từ củ Cà rốt tím, F5 Cà Rốt Tím là một thức uống độc đáo, mới lạ lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam. Chất màu tím tự nhiên anthocyanins trong củ cà rốt tím là chất chống oxyt hóa mạnh, có công dụng hỗ trợ: bảo vệ tim mạch, ngăn ngừa viêm nhiễm, chống lão hóa và hóa giải độc tố... Nguồn nguyên liệu cà rốt tím được nhập từ Châu Âu và được lựa chọn cũng như xử lý rất kỹ càng, nghiêm ngặt, sản phẩm không dùng chất bảo quản, không dùng phẩm màu. F5 Cà rốt tím có một chút gaz để làm tăng thêm mùi vị của sản phẩm và sẽ ngon hơn khi được ướp lạnh trước khi sử dụng





CÔNG NGHỆ & CHẤT LƯỢNG

V. THÔNG TIN SẢN PHẨM

Nhằm đáp ứng niềm tin yêu của khách hàng vào sản phẩm cũng như thương hiệu của công ty Năm 2007 Công ty CP NGK Chương Dương đã đề ra chính sách chất lượng công ty

"Thỏa mãn tốt nhất các yêu cầu của khách hàng"

	Ngày ban hành: 12/02/2007	Số hiệu: CSCL - TGD	Lần ban hành: 04
	Người biên soạn:	Người xem xét và phê duyệt:	Lần sửa đổi: 00
 HOÀNG ĐÌNH QUANG		 HOÀNG CHÍ THÀNH	
CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG CÔNG TY			Số trang: 1/1

Công Ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương quyết tâm trở thành một trong những Công ty nước giải khát nội địa hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nước giải khát. Chúng tôi xin cam kết:

Thỏa mãn tốt nhất các yêu cầu của khách hàng.

Chính sách chất lượng này được truyền đạt trong toàn công ty để mọi người thấu hiểu và thực hiện thông qua các hình thức: đào tạo, giải thích, giới thiệu cho CBCNV.

CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:



1. Kế thừa hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ của tập đoàn BGI Pháp và áp dụng hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 được chứng nhận bởi tổ chức Quacert từ ngày 06/12/2003 và được tái cấp giấy chứng nhận ngày 22/5/2007. Và hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 được chứng nhận từ ngày 17/11/2010

Ngoài việc kiểm soát chất lượng tại công ty, theo định kỳ các mẫu nguyên liệu, sản phẩm được kiểm tra chất lượng tại các cơ quan chức năng như Trung Tâm 3 hoặc Trung tâm phân tích thí

V. THÔNG TIN SẢN PHẨM



Kiểm tra nước



Kiểm tra nhiệt độ của máy rửa chai



Kiểm tra nguyên liệu

Các bước kiểm soát sản xuất - chất
Các bước kiểm soát sản xuất - chất
một quy trình chặt chẽ và đồng bộ từ
khâu kiểm tra nguyên liệu đầu vào,
thông số sản xuất cho đến thành phẩm.



Kiểm tra vi sinh sản phẩm



Kiểm tra sản phẩm

2. Tuân thủ triệt để các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của Bộ Y tế.
3. Trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ công nghệ sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt tốt các tiêu chuẩn quy định.



Dây chuyền chiết lon của Ý



Dây chuyền sản xuất nút khoén SARCOMI của Ý



Dây chuyền sản xuất CO2 Wittermann của Mỹ



Máy kiểm tra chai rỗng

Dây chuyền chiết chai Krones của Đức



V. THÔNG TIN SẢN PHẨM

Được sự tin nhiệm của công ty Nhật WalaWang, công ty Chương Dương tiếp tục gia công rượu Chu - Hi với các hương vị mới từ cốt bưởi, cốt lemon đạt yêu cầu chất lượng cao của Nhật.

Trong năm 2011, Công Ty WalaWang và Chương Dương kết hợp tiếp tục xuất khẩu Chu - Hi sang thị trường Nhật, Mỹ, Nam Phi,...



Sản phẩm Chu - Hi tại siêu thị Nhật



“Chứng nhận NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG là thương hiệu Nổi tiếng tại Việt Nam năm 2008 theo nhận biết của người tiêu dùng”

V. THÔNG TIN SẢN PHẨM

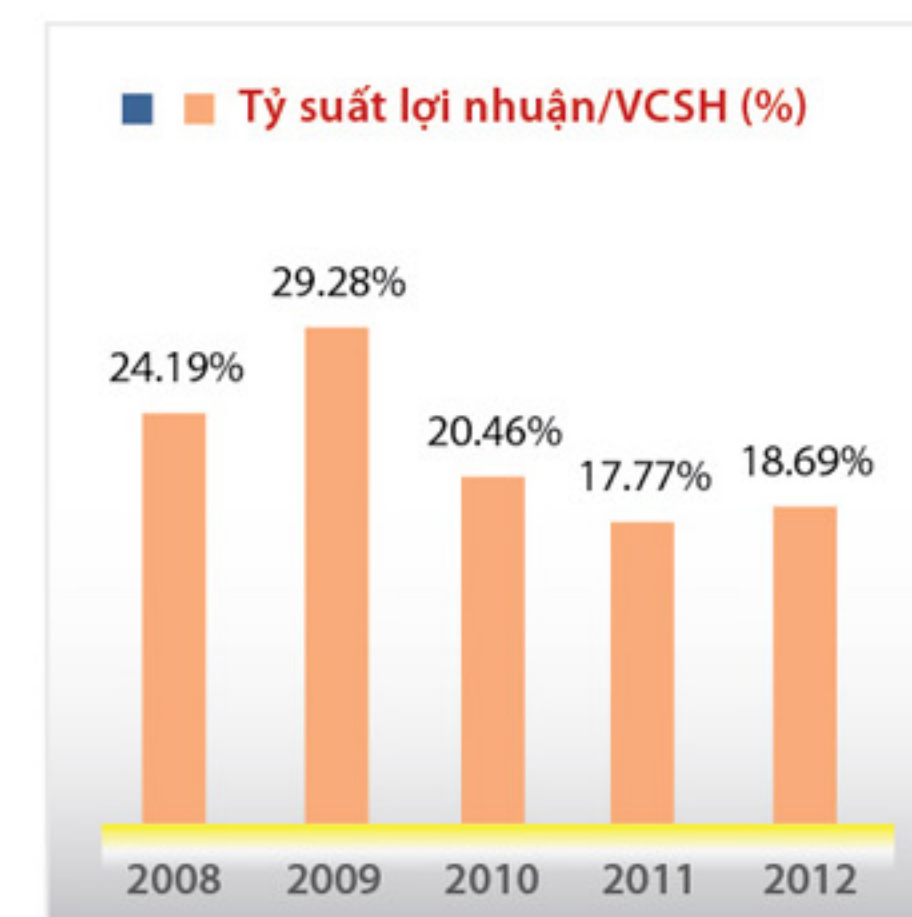
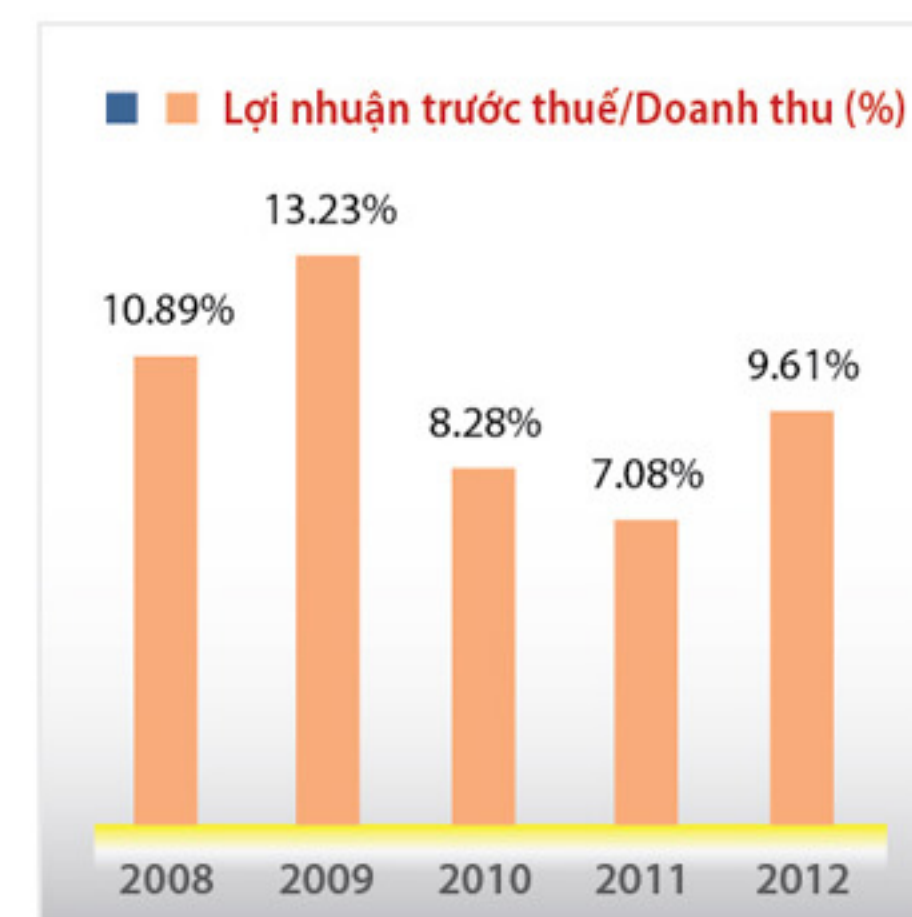
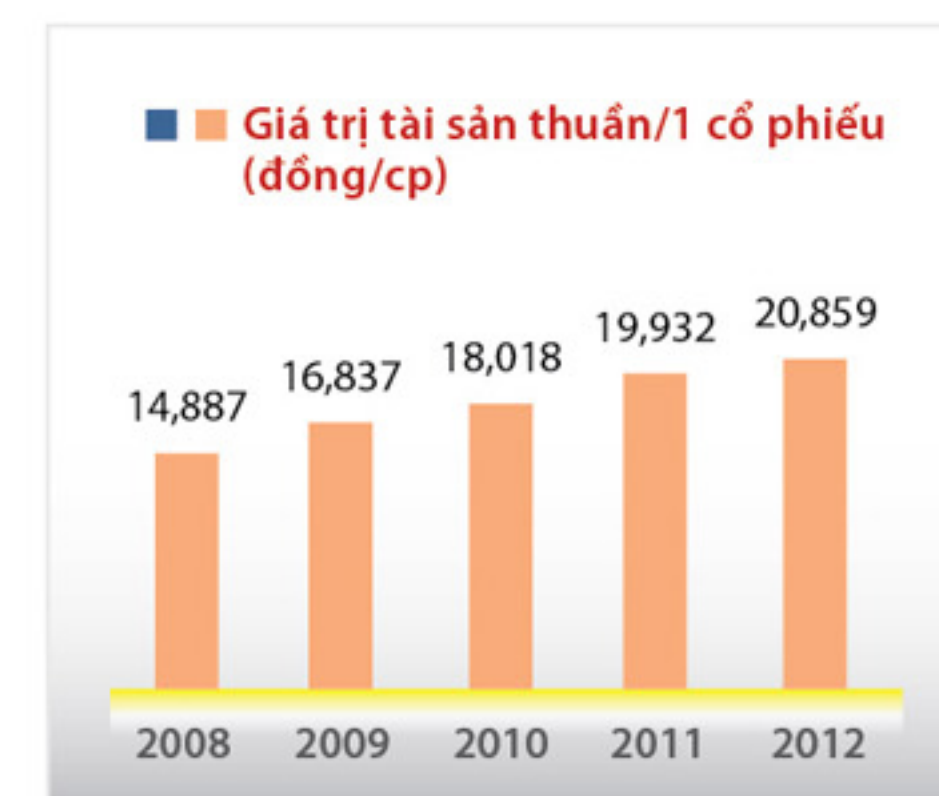
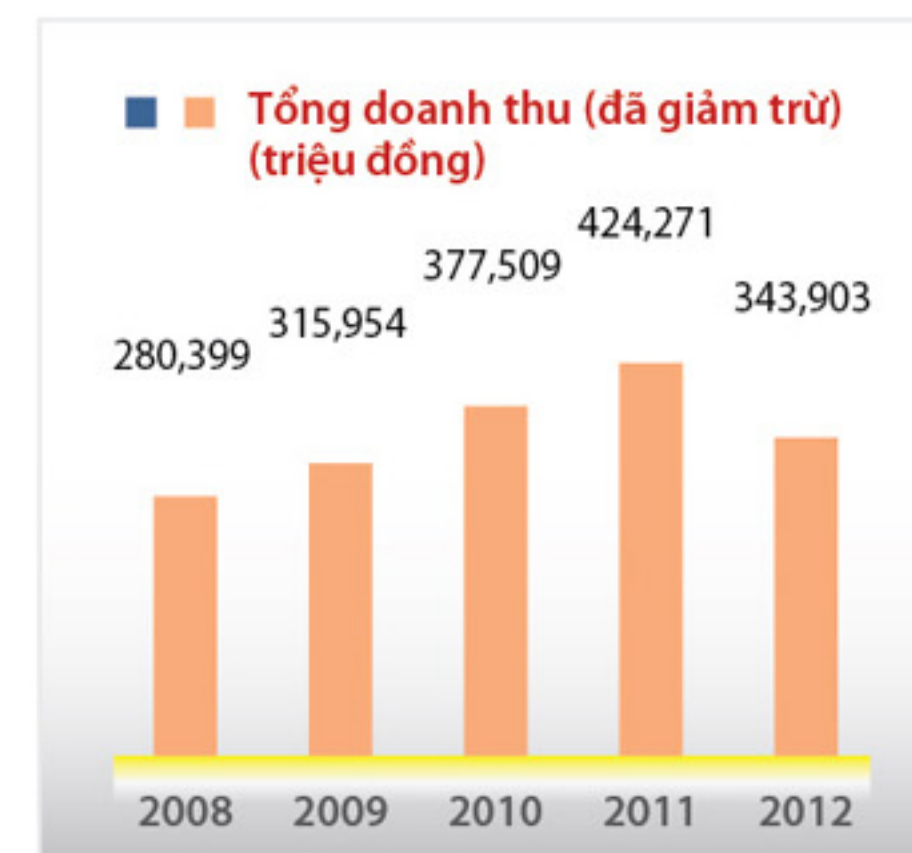


Tự hào là “HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO” trong 17 năm liền từ 1997 đến 2013

VI. TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 5 NĂM (2008-2012)

Năm	2008	2009	2010	2011	2012
BÁO CÁO LÃI LỖ (Triệu đồng)					
Tổng doanh thu	280,399	315,954	377,509	424,271	350,862
Lợi nhuận trước thuế	30,528	41,788	31,250	30,020	33,049
Lợi nhuận sau thuế	25,546	34,790	26,109	22,763	25,074
Nộp ngân sách nhà nước	22,920	27,438	19,998	24,018	24,358
CỔ TỨC (đồng/cổ phiếu)					
Thu nhập cơ bản trên cổ phiếu	3,011	4,104	3,080	2,685	2,985
Trả cổ tức	1,500	1,900	1,500	1,500	1,500
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu đồng)					
Vốn điều lệ	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000
Vốn chủ sở hữu	126,203	142,739	152,747	168,974	176,836
Tổng tài sản	170,997	195,651	203,383	231,843	232,646
Tổng nợ phải trả	44,794	52,912	50,635	62,869	55,810
Trong đó nợ dài hạn:	396	583	156	156	156
Giá trị tài sản thuần /1 cổ phiếu (đồng/cp)	14,887	16,837	18,018	19,932	20,859
CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH (%)					
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	10.89%	13.23%	8.28%	7.08%	9.42%
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	24.19%	29.28%	20.46%	17.77%	18.69%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	35.49%	37.07%	33.15%	37.21%	31.56%

VI. TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 5 NĂM (2008-2012)



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tình hình kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đã phải đối diện với nhiều khó khăn trong những năm 2010, năm 2011 và năm 2012, Công ty cổ phần NGK Chương Dương sản xuất mặt hàng thức uống giải khát cũng phải đối mặt nhiều thách thức và áp lực thị trường khốc liệt.

Mặc dù Công ty đã cố gắng rất nhiều nhưng chỉ đạt vượt chỉ tiêu lợi nhuận, thực hiện 100% tỷ lệ chi trả cổ tức, đảm bảo được thu nhập bình quân cho người lao động trên năm triệu đồng/tháng. Các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu không đạt theo kế hoạch ngoài yếu tố khách quan còn do các khiếm khuyết chủ quan của Ban điều hành và đội ngũ kinh doanh.

Phân tích và đánh giá sơ bộ hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm 2008-2012:

- ❖ Sản lượng tiêu thụ thực hiện 5 năm 2008-2012: 185 triệu lít đạt 92% so với kế hoạch năm năm 2008-2012.
- ❖ Tổng doanh thu thực hiện 5 năm 2008-2012: 1.746 tỷ đồng đạt 95% so với kế hoạch năm năm 2008-2012.
- ❖ Tổng chi phí thực hiện 5 năm 2008-2012: 1.580 tỷ đồng thực hiện bằng 93% kế hoạch năm năm 2008-2012.
- ❖ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thực hiện năm 2008-2012: 167 tỷ đồng, vượt 11% so với kế hoạch năm năm 2008-2012.
- ❖ Nộp ngân sách nhà nước 5 năm 2008-2012: 119 tỷ đồng đạt 98% so với kế hoạch năm năm 2008-2012.

Chi tiết hơn về kết quả kinh doanh:

- ❖ Tổng doanh thu, có tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn năm 2008-2012 trung bình 6.81%/năm. Tăng trưởng cao nhất là năm 2010, vượt 13% so với mức tăng trưởng bình quân và vượt 20% so với thực hiện năm 2009. Riêng năm 2012 tốc độ tăng trưởng âm 17%. Là nguyên nhân làm tốc độ tăng trưởng bình quân của tổng doanh thu chỉ tăng 6.81%/năm. Nguyên nhân dẫn đến tốc độ tăng trưởng tổng doanh thu âm năm 2012 là do sản lượng tiêu thụ giảm 24% so với thực hiện năm 2011. Đây là mức giảm sâu nhất trong giai đoạn 2006-2012.
- ❖ Lợi nhuận trước thuế, có tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2008-2012 trung bình 3.52%/năm. Tăng trưởng cao nhất là năm 2009 và năm 2011, vượt 16% so với mức tăng trưởng bình quân.
- ❖ Nộp ngân sách nhà nước, có tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2008-2012 trung bình 4.46%/năm. Tăng trưởng cao nhất là năm 2009, vượt 32% so với mức tăng trưởng bình quân và vượt 37% so với thực hiện năm 2008. Năm 2010 và năm 2011 tốc độ tăng trưởng âm, năm 2012, tốc độ tăng trưởng đạt 10% so với cùng kỳ năm 2011. Năm 2011 là năm bắt đầu phải nộp 100% thuế TNDN sau 5 năm được ưu đãi miễn thuế 2 năm và 3 năm hưởng ưu đãi giảm 50% thuế TNDN.
- ❖ Sản lượng tiêu thụ, có tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2008-2012 trung bình âm 6%/năm. Chỉ năm 2010 có tốc độ tăng trưởng cao nhất 5%, năm 2012 tốc độ tăng trưởng giảm 23% so với cùng kỳ năm 2011.

Tình hình tài sản và nguồn vốn:

Tính đến cuối năm 2012, tổng giá trị tài sản của CDBECO đạt 233 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân mỗi năm là 8% trong giai đoạn 2008-2012.

Về nguồn vốn, tài sản ngắn hạn tăng thêm được tài trợ chủ yếu từ vốn chủ sở hữu và nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn chủ yếu cũng là nợ nhà cung cấp. Công ty không sử dụng vốn vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác. Đây cũng là thế mạnh của Công ty trong thời kỳ thị trường tài chính có nhiều biến động, chi phí sử dụng vốn cao.

Các chỉ số tài chính tiêu biểu đến 31/12/2012:

Chỉ số/Năm	ĐVT	2008	2009	2010	2011	2012
Tăng trưởng doanh thu thuần	%	113.92%	114.26%	117.66%	112.25%	79.64%
Vòng quay khoản phải thu ngắn hạn	Lần	6	17	11	21	10
Số ngày thu hồi nợ ngắn hạn	Ngày	60	21	34	17	37
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	10	14	14	11	8
Số ngày luân chuyển hàng tồn kho	Ngày	37	25	26	32	44
Tỷ lệ chia cổ tức	%	15.00%	19.00%	15.00%	15.00%	15.00%
Tỷ suất sinh lợi/doanh thu (thuần)	%	7.14%	4.36%	7.14%	5.54%	7.67%
Tỷ suất sinh lợi/doanh thu (thuần) (loại bỏ t/d thuế)	%	8.54%	5.81%	8.54%	7.31%	10.11%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cổ phần (ROE)	%	17.09%	9.28%	17.09%	13.47%	14.18%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	%	12.84%	7.01%	12.84%	9.82%	10.78%
Thu nhập cơ bản trên cổ phiếu EPS	Đồng	3,011	4,104	2,685	3,080	2,958
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3	3	3	3	3
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2	2	2	2	2

Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, khả năng thanh toán hiện hành và nhanh hoàn toàn được đảm bảo. Công ty luôn luôn kiểm soát chặt chẽ vòng quay vốn lưu động, khai thác sử dụng đồng vốn hiệu quả nhất.

Về công tác đầu tư trong năm 2012

- ♦ Dự án tại 4C tổ 7, Gò Dầu, Tân Kỳ Tân Quý: đã xây dựng hoàn tất Nhà làm việc và Phòng trưng bày sản phẩm từ tháng 9 năm 2011, Công ty đã tiến hành thực hiện nghiệm thu năm 2012 và đang tiến hành xây dựng phương án khai thác sử dụng phù hợp.
- ♦ Các dự án khác, Công ty vẫn đang tiếp tục tiến hành nghiên cứu, đánh giá và chờ cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt để thực hiện.

Về đầu tư tài chính

- ♦ Góp vốn đầu tư dài hạn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp SABECO 2.250.000.000 đồng từ cuối năm 2005. Tháng 6 năm 2009, Công ty được nhận lãi góp vốn của năm 2007, 2008, 2009 và năm 2010 bằng tiền mặt: 335 triệu đồng. Năm 2012 nhận lãi vốn góp của năm 2011: 117.219.688 đồng từ Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng KCN Sabeco.
- ♦ Góp vốn đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn Tây Đô 6.500.000.000 đồng. Chiếm tỷ lệ vốn góp 6.25%. Các năm 2006, 2007 và năm 2008 hoạt động lỗ, năm 2009 bắt đầu có lãi. Công ty đã nhận cổ tức năm 2010 là 25% tương ứng khoảng 1,625 tỷ Đồng, cổ tức năm 2011 là 1,3 tỷ (tỷ lệ 20%) và cổ tức năm 2012 là 1,625 tỷ đồng (tỷ lệ 25%).
- ♦ Đầu tư dài hạn chứng chỉ Quỹ đầu tư SABECO 1: 7.000.000.000 đồng trên vốn góp CSH 350.000.000.000 đồng đến 31/12/2011, tương ứng tỷ lệ góp vốn 2%. Quỹ đầu tư Sabeco 1, chủ yếu đầu tư vào Các công ty trong cùng hệ thống của Sabeco. Đến 31/12/2009, giá trị tài sản ròng của Quỹ SF1 là 349.246.912.639 đồng, giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ: 997.848 đồng giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2010. Cuối 31/12/2010, giá trị tài sản ròng của quỹ SF1: 328.556.438.904 đồng, giảm thêm gần 10% so với năm 2009, giá trị tài sản ròng 31/12/2011 là: 349.009.139.271 đồng. Đến tháng 10/2012, toàn bộ số lượng chứng chỉ quỹ SF1 do CDBECO sở hữu đã chính thức chuyển nhượng cho Tổng Công ty cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn 10.041.955.000 đồng, thu lãi hoạt động tài chính trong năm 2012: 2.901.955.000 đồng.

Về hệ thống phân phối

Công ty có hệ thống phân phối sản phẩm trải dài từ Nam ra đến Bắc Trung Bộ. Nhà Phân Phối lớn và thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ yếu tại TP.Hồ Chí Minh. Khu vực Miền Đông Nam Bộ là thị trường có nhiều tiềm năng để phát triển thị phần. Các khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và Miền Tây hiện có trên 150 nhà phân phối và đại lý phân phối sản phẩm nước giải khát của CDBECO. Hiện tại Công ty vẫn đang củng cố và phát triển hệ thống phân phối ở các khu vực tỉnh ngoài TP.Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty sẽ cố gắng phát triển dòng sản phẩm thức uống có giá trị dinh dưỡng cao nhằm đáp ứng thị hiếu và nhu cầu của người tiêu dùng.



TP.HCM, ngày 09 tháng 04 năm 2013

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2012 và Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2008-2012) Trình Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát trình báo cáo Đại hội cổ đông kết quả hoạt động giám sát, thẩm định của Ban kiểm soát năm 2012 và tổng kết hoạt động nhiệm kỳ II (2008-2012)

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2012:

1. Thành viên Ban kiểm soát mới:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong năm 2012 gồm các thành viên sau:

- Ông Dương Chí Hùng - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung - Thành viên
- Ông Châu Ngọc Trung Chánh - Thành viên, từ nhiệm từ tháng 02/2012

2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2012

2.1 Tham gia các cuộc họp

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có đại diện của Ban kiểm soát tham dự và trao đổi thảo luận ngay đối với các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm, có ý kiến. Các ý kiến thảo luận, góp ý của Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị xem xét cân nhắc trước khi ra quyết định.

Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm nhằm đạt được các mục tiêu đã được Đại hội cổ đông phê duyệt tại đại hội ngày 19/05/2012.

Hội đồng quản trị đã trao đổi, bàn bạc các phương án kinh doanh, các vấn đề trao đổi được phê duyệt khi có sự đồng thuận tuyệt đối giữa các thành viên.

Ngoài ra, một số cuộc họp của Ban điều hành về một số vấn đề quan trọng Ban kiểm soát đã tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến và được Ban điều hành ghi nhận.

2.2 Trao đổi với Kiểm toán độc lập và Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2012

Được ủy quyền của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012.

Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp với AASCN để trao đổi các vấn đề về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán và những vấn đề được nêu trong thư quản lý.

Qua kiểm tra xem xét, Ban kiểm soát thống nhất với số liệu theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012.

2.3 Thẩm định báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong công tác quản lý điều hành công ty, thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông 2012

Ban kiểm soát đã xem xét và thống nhất Báo cáo công tác quản lý của Hội đồng quản trị về các nội dung hoạt động của năm 2012 như sau:

- Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Công tác quản lý Hội đồng quản trị.
- Việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ, cổ tức thực hiện.
- Việc thực hiện thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2012.

3. Một số ý kiến đánh giá và đề xuất

Qua thực hiện công tác giám sát Hội đồng quản trị và Ban điều hành, Ban kiểm soát nhận thấy trong năm 2012 tiếp tục là một năm khó khăn trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Nước giải khát Chương Dương, đặc biệt trong tình hình có sự thay đổi nhân sự cấp cao tại công ty. Mặc dù doanh thu chỉ giảm bằng 78,99% so với năm 2011, nhưng công ty vẫn đạt lợi nhuận kinh doanh cao hơn và duy trì mức chi trả cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt như năm 2011.

Năm 2012, Công ty tiếp tục sản xuất với các máy móc thiết bị vẫn chưa được đầu tư – thay thế. Hiện số lượng nhận sự tham gia sản xuất khá nhiều nên chi phí tiền lương vẫn lớn. Việc thực hiện di dời, đầu tư xây dựng nhà máy mới tại Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, cũng như việc triển khai các dự án tại các khu đất đến nay vẫn chưa thực hiện được.

Về hoạt động quản lý rủi ro, kiểm tra và kiểm soát vận hành, Hội đồng quản trị cũng đã có chủ trương thành lập Ban Kiểm tra Kiểm soát Nội bộ trực thuộc HĐQT ngay trong năm 2011. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau nên đến nay vẫn chưa thực hiện được chủ trương này. Ban kiểm soát đề nghị cần thực hiện ngay việc này trong năm 2013.

Ban kiểm soát với tư cách là đại diện cho các cổ đông trong việc giám sát, trong năm 2012 chúng tôi nhận thấy rằng Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã hết sức cố gắng trong việc quản lý, điều hành, xây dựng và phát triển doanh nghiệp, đem lại lợi ích tối đa cho cổ đông và đảm bảo quyền lợi của người lao động. Chúng tôi tin tưởng Hội đồng quản trị và Ban điều hành sẽ tiếp tục cố gắng để đạt được các mục tiêu do Đại hội cổ đông giao.

II. Tổng kết hoạt động nhiệm kỳ II (2008 – 2012)

1. Nhân sự của Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2008 – 2012)

- Ông Dương Chí Hùng – Trưởng Ban kiểm soát, từ ngày 24/10/2008
- Ông Phạm Việt Bắc – Thành viên, từ ngày 24/10/2008, miễn nhiệm từ ngày 22/04/2010
- Ông Phạm Hoàng Lương – Thành viên, từ ngày 24/10/2008, miễn nhiệm từ ngày 22/04/2010
- Ông Trương Hải Đăng Khoa – Thành viên, từ ngày 22/04/2010, miễn nhiệm ngày 28/05/2011
- Bà Phạm Thị Hồng Phước – Thành viên, từ ngày 22/04/2010, miễn nhiệm ngày 28/05/2011
- Ông Châu Ngọc Trung Chánh – Thành viên, từ ngày 28/05/2011, miễn nhiệm từ 02/2012
- Ông Nguyễn Thị Ngọc Dung – Thành viên, từ ngày 28/05/2011

2. Về hoạt động và thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát hoạt động trên cơ sở các thành viên thảo luận, có ý kiến giữa các thành viên về các vấn đề quan tâm; tham gia có ý kiến, trao đổi trực tiếp tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp của Ban điều hành.

Với sự tin nhiệm của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ II đã hoàn thành trách nhiệm theo quy định với sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và phối hợp của Ban điều hành. Các công tác chủ yếu của Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ II bao gồm :

- Giám sát, kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ của công ty, nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, trao đổi thảo luận và góp ý với Hội đồng quản trị trong việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư.
- Tham gia rà soát và kiến nghị chỉnh sửa Điều lệ và một số Quy chế quản trị của công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của công ty.
- Đề xuất công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm cho công ty; phối hợp, trao đổi thảo luận có ý kiến đối với các bút toán điều chỉnh và các vấn đề được nêu trong thư quản lý.
- Thẩm định, đánh giá các báo cáo tài chính, tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định.

3. Đánh giá

Ban kiểm soát với các thành viên là kiêm nhiệm nên chưa thực hiện được nhiều công tác kiểm soát, qua nhiệm kỳ II tổng kết đánh giá một số nội dung sau :

- Hoạt động của Công ty CP Nước giải khát Chương Dương lành mạnh, tình hình tài chính ổn định, công tác kế toán minh bạch, rõ ràng, hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm đều mang lại lợi nhuận ổn định, đảm bảo tỷ lệ cổ tức cho các cổ đông trong điều kiện tình hình kinh tế có nhiều khó khăn.
- Về hoạt động sản xuất kinh doanh chính ngày càng khó khăn, sản lượng tiêu thụ giảm trong vài năm gần đây.
- Một số dự án đầu tư chưa được thực hiện, có những dự án đầu tư có chủ trương từ năm 2006 đến nay vẫn chưa thực hiện được với nhiều nguyên nhân trong đó tình hình kinh tế xã hội, chủ trương về quy hoạch của Nhà nước, các thủ tục phức tạp và kéo dài ...
- Chưa có các giải pháp đồng bộ và chiến lược lâu dài về thị trường, nhân sự, di dời đầu tư, thay thế thiết bị - công nghệ, hợp tác sản xuất, phát triển sản phẩm mới nhằm gia tăng sản lượng và thị phần.

Qua báo cáo, đánh giá nêu trên của Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2008 – 2012) đã hết sức cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự tin nhiệm của Đại hội đồng cổ đông, sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong nhiệm kỳ vừa qua giúp Ban kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Dương Chí Hùng

Một số nhận định chung về kinh tế Việt Nam năm 2013:

Năm 2013 là năm bản lề của kế hoạch 5 năm (2013-2017) trong khi nhiều chỉ tiêu sau 2 năm thực hiện vẫn còn thấp so với mức đề ra cho cả nhiệm kỳ. Mục tiêu tổng quát là tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô; kiềm chế lạm phát ở mức thấp, tăng trưởng kinh tế cao hơn năm 2012.

Các chỉ tiêu chủ yếu được đề ra là tổng sản phẩm trong nước tăng khoảng 5,5%. Kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%. Tỷ lệ nhập siêu khoảng 8%. Bội chi ngân sách Nhà nước không quá 4,8% GDP. Tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 7 – 8%. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 30% GDP. Bảo đảm an toàn nợ công. Cố gắng bảo đảm các chỉ tiêu về việc làm, giảm tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

Theo nguồn của VBA (Hiệp hội Bia Rượu Nước Giải Khát), đối với ngành sản xuất đồ uống nói chung và ngành Bia – Rượu – NGK nói riêng sẽ phát triển theo những định hướng: tiếp tục đảm bảo nhu cầu xã hội và người tiêu dùng về các sản phẩm đồ uống, với chất lượng ngày càng cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; Tăng cường củng cố, phát triển hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm tới tay người tiêu dùng với phương thức phục vụ văn minh, hiện đại, nhanh chóng và thuận lợi; Tiếp tục các hoạt động đầu tư, nghiên cứu, đổi mới phương thức quản lý, quản trị doanh nghiệp, đổi mới công nghệ, trang thiết bị.

Quy hoạch phát triển của ngành Bia – Rượu – NGK Việt Nam đến năm 2015, có xét đến năm 2025 được Bộ Công Thương duyệt với mục tiêu toàn ngành đến năm 2015 sản lượng sản xuất phải đạt: 4 tỷ lít bia, 188 triệu lít rượu và 4 tỷ lít nước giải khát.

Với định hướng này, khả năng và cơ hội để tăng trưởng trong ngành Bia – Rượu – NGK Việt Nam còn rộng mở cho các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

Năm 2013, Công ty cổ phần nước giải khát Chương Dương thực hiện các mục tiêu trọng tâm chính, chú trọng mục tiêu đầu tư cho thị trường, Công ty tập trung nguồn lực, chi phí để lấy lại thị phần năm 2012 đã bị giảm sút.

Các chỉ tiêu dự kiến năm 2013:

Chỉ tiêu/Năm	2011	2012	KH. 2013	2012/2011	KH 13/TH12
Sản lượng tiêu thụ lít	37,841,780	28,775,909	32,002,561	76.04%	111.21%
Tổng doanh thu (chưa trừ GG-CK)	436,437,108,540	350,861,878,107	386,737,771,971	80.39%	110.23%
Trong đó:					
- Doanh thu tài chính	12,142,832,406	15,258,657,273	11,130,754,431	125.66%	72.95%
- Thu nhập khác	1,482,575,630	1,613,471,194	2,200,000,000	108.83%	136.35%
Tổng chi phí	406,417,071,619	317,812,392,765	370,008,428,805	78.20%	116.42%
Lợi nhuận trước thuế	30,020,036,921	33,049,485,342	16,729,343,166	110.09%	50.62%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,685	2,958	1,480	110.17%	50.03%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	15	15	9	100.00%	60.00%
Nộp ngân sách nhà nước	24,018,000,000	24,373,000,000	30,000,000,000	101.48%	123.09%



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công Nghiệp.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4103002362 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 số 0300584564 ngày 07 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động của Công ty là: Sản xuất, mua bán đồ uống (không hoạt động tại khu dân cư tập trung). Sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản.

Trụ sở chính của Công ty tại số 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận I, TP.Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh như sau:

- Chi nhánh Vĩnh Long đặt tại Số 176/5 đường Phạm Hùng, Phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Chi nhánh Vita đặt tại Số 577 Hùng Vương, Phường 12, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Bình Dương đặt tại Lô D-5B,5D,5F-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 3, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:**Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Ngọc Hạnh	Chủ tịch	
Ông Hoàng Chí Thành	Chủ tịch	
Ông Lê Tuấn	Ủy viên	
Ông Võ Văn Tân	Ủy viên	Đến ngày 29/10/2012
Ông Phạm Việt Bắc	Ủy viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Văn Tân	Quyền Tổng Giám đốc	Đến ngày 02/11/2012
Ông Hoàng Chí Thành	Quyền Tổng Giám đốc	Từ ngày 02/11/2012
Ông Lê Chí Nguyễn	Giám đốc điều hành cung ứng	Đến ngày 02/04/2012
Ông Hoàng Quang Dũng	Giám đốc điều hành sản xuất	
Bà Nguyễn Thủy Phương	Giám đốc tài chính	
Bà Dương Thị Phương Liên	Giám đốc kinh doanh	Đến ngày 15/06/2012

Ban kiểm soát

Ông Dương Chí Hùng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên
Ông Châu Ngọc Trung Chánh	Thành viên

Đến ngày 01/02/2012

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ♦ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ♦ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ♦ Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- ♦ Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các hành vi khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Chí Thành
Quyền Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 18 tháng 01 năm 2013

Số :...../BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2012
của Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương

**Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày .../02/2013 và được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Giám đốc

Nguyễn Thị Lan
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2013

Kiểm toán viên

Nguyễn Hồng Nga
Chứng chỉ KTV số: 1266/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		188,626,449,500	179,267,618,512
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		48,194,287,941	121,053,284,168
1. Tiền	111	V.1	23,194,287,941	17,153,284,168
2. Các khoản tương đương tiền	112		25,000,000,000	103,900,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		79,000,000,000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	79,000,000,000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20,734,324,108	20,082,045,585
1. Phải thu khách hàng	131		19,365,687,405	17,166,558,639
2. Trả trước cho người bán	132		128,676,489	951,398,530
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	2,308,312,348	2,749,483,600
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,068,352,134)	(785,395,184)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	39,694,899,859	36,249,940,051
1. Hàng tồn kho	141		40,366,642,723	36,746,144,217
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(671,742,864)	(496,204,166)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,002,937,592	1,882,348,708
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		496,443,322	433,551,799
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	-	38,198,762
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		506,494,270	1,410,598,147
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44,019,513,611	52,575,828,182
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		34,300,000	34,300,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		34,300,000	34,300,000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2012	01/01/2012
II. Tài sản cố định	220		34,994,614,285	32,932,985,274
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	6,433,668,357	5,522,065,284
- Nguyên giá	222		49,695,993,833	46,816,939,288
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43,262,325,476)	(41,294,874,004)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	64,698,786	104,028,186
- Nguyên giá	228		263,688,400	263,688,400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(198,989,614)	(159,660,214)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	28,496,247,142	27,306,891,804
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	8,750,000,000	15,870,182,785
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		8,750,000,000	15,890,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(19,817,215)
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.10	240,599,326	3,738,360,123
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,386,459	3,500,147,256
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		222,212,867	222,212,867
3. Tài sản dài hạn khác	268		16,000,000	16,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		232,645,963,111	231,843,446,694

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		55,809,901,292	62,869,412,578
I. Nợ ngắn hạn	310		55,654,151,292	62,713,662,578
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		21,718,019,724	34,583,251,048
3. Người mua trả tiền trước	313		89,882,910	803,848,981
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	5,875,718,365	5,752,146,838
5. Phải trả người lao động	315		6,537,326,029	6,932,552,865
6. Chi phí phải trả	316	V.12	16,275,938,345	11,395,525,136
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	3,046,530,129	2,598,877,102
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2,110,735,790	647,460,608
II. Nợ dài hạn	330		155,750,000	155,750,000
1. Phải trả dài hạn khác	333		155,750,000	155,750,000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		176,836,061,819	168,974,034,116
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	176,836,061,819	168,974,034,116
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85,000,000,000	85,000,000,000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(347,276,838)	(347,276,838)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	199,530,700
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		62,146,555,349	59,416,909,510
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		7,316,984,371	7,577,080,285
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22,719,798,937	17,127,790,459
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		232,645,963,111	231,843,446,694

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Thuyết minh	12/31/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		22,936,979,000	8,591,547,593
Trong đó : Tài sản không có giá trị thu hồi		-	76,788,099
Thành phẩm giữ hộ khách hàng		22,936,979,000	8,514,759,494
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2,177,520,282	663,707,882
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		40,154.79	92,628.18
+ EUR		496.79	494.26
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quyền Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Thu Thủy

Đỗ Thị Thanh Loan

Hoàng Chí Thành

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	333,989,749,640	422,811,700,504
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	6,958,762,350	12,165,914,110
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	327,030,987,290	410,645,786,394
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	241,428,052,008	327,659,846,531
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		85,602,935,282	82,985,939,863
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	15,258,657,273	12,142,832,406
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	49,972,185	1,510,837,313
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		41,818,029,555	44,835,278,767
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27,538,115,346	20,122,659,982
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31,455,475,469	28,659,996,207
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,613,471,194	1,482,575,630
12. Chi phí khác	32	VI.8	19,461,321	122,534,916
13. Lợi nhuận khác	40		1,594,009,873	1,360,040,714
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		33,049,485,342	30,020,036,921
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.9	7,975,155,623	7,479,266,799
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		-	(222,212,867)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		25,074,329,719	22,762,982,989
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.10	2,958	2,685

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quyền Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Thu Thủy

Đỗ Thị Thanh Loan

Hoàng Chí Thành

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33,049,485,342	30,020,036,921
2. Điều chỉnh các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2,006,780,872	1,975,910,743
- Các khoản dự phòng	03	438,678,433	(147,835,313)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2,402,100	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15,118,852,151)	(12,789,979,862)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	20,378,494,596	19,058,132,489
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1,301,671,884)	15,231,063,343
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3,620,498,506)	(9,777,082,400)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)-	11	(10,249,217,728)	11,945,538,799
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3,434,869,274	3,126,700,294
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6,356,658,907)	(7,035,401,758)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	863,476,200	5,207,231,142
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1,517,307,790)	(8,371,557,289)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1,631,485,255	29,384,624,620
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4,068,409,883)	(2,699,886,932)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	899,004,713
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(79,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	10,041,955,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11,252,433,401	11,565,975,149
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(61,774,021,482)	9,765,092,930

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12,716,460,000)	(4,238,820,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12,716,460,000)	(4,238,820,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(72,858,996,227)	34,910,897,550
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	121,053,284,168	86,142,386,618
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	48,194,287,941	121,053,284,168

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quyền Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Thu Thủy

Đỗ Thị Thanh Loan

Hoàng Chí Thành

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2013



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công Nghiệp.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4103002362 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 số 0300584564 ngày 07 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận I, TP.Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh như sau:

- Chi nhánh Vĩnh Long đặt tại Số 176/5 đường Phạm Hùng, Phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Chi nhánh VITA đặt tại Số 577 Hùng Vương, Phường 12, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Bình Dương đặt tại Lô D-5B,5D,5F-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 3, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là: Sản xuất, mua bán đồ uống. Sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản.

II. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	5 – 08 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 – 05 năm
- Phần mềm	03 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi phân phối các quỹ và phân phối khác theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

11. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	36,353,382	115,840,703
Tiền gửi ngân hàng	23,157,934,559	17,037,443,465
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	25,000,000,000	103,900,000,000
Cộng	48,194,287,941	121,053,284,168

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	79,000,000,000	-
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	79,000,000,000	-
Cộng	79,000,000,000	-

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu cổ tức	974,463,750	1,300,000,000
Phải thu lãi ngân hàng	1,290,000,000	-
Phải thu khác	43,848,598	1,449,483,600
Cộng	2,308,312,348	2,749,483,600

4. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	20,278,246,895	20,523,213,156
- Công cụ, dụng cụ	46,490,766	44,397,882
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	77,070,114	62,557,317
- Thành phẩm	19,964,834,948	16,115,975,862
Cộng giá gốc hàng tồn kho	40,366,642,723	36,746,144,217
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(671,742,864)	(496,204,166)
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	39,694,899,859	36,249,940,051

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	285,370,600	249,747,430
Ký quỹ, ký cược	-	828,808,200
Tài sản thiếu chờ xử lý	221,123,670	332,042,517
Cộng	506,494,270	1,410,598,147

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4,492,345,486	38,777,310,301	2,837,067,084	710,216,417	46,816,939,288
Số tăng trong năm	-	2,089,864,545	610,000,000	179,190,000	2,879,054,545
- Mua sắm mới		2,089,864,545	610,000,000	179,190,000	2,879,054,545
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4,492,345,486	40,867,174,846	3,447,067,084	889,406,417	49,695,993,833
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3,214,305,280	35,312,057,803	2,162,909,695	605,601,226	41,294,874,004
Khấu hao trong năm	178,085,193	1,373,436,851	312,824,340	103,105,088	1,967,451,472
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3,392,390,473	36,685,494,654	2,475,734,035	708,706,314	43,262,325,476
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1,278,040,206	3,465,252,498	674,157,389	104,615,191	5,522,065,284
Tại ngày cuối năm	1,099,955,013	4,181,680,192	971,333,049	180,700,103	6,433,668,357

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 37.373.706.743 đồng

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô

Đơn vị tính: VND
Phần mềm máy tính

Nguyên giá	
Số dư đầu năm	263,688,400
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	263,688,400

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	159,660,214
Khấu hao trong năm	39,329,400
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	198,989,614
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	104,028,186
Tại ngày cuối năm	64,698,786

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	28,496,247,142	27,306,891,804
+ Quyền sử dụng đất Mỹ Phước 3	23,486,167,500	23,486,167,500
+ Quyền sử dụng đất tại Quận Tân Phú	90,909,091	90,909,091
+ Phần mềm ERP	934,218,526	934,218,526
+ Chi phí di dời nhà máy Nước Giải Khát Chương Dương	623,915,492	623,915,492
+ Chi phí xây dựng văn phòng và trưng bày giới thiệu sản phẩm tại Q.Tân Phú	2,874,166,104	2,078,681,195
+ Chi phí đăng ký nhãn hiệu ra nước ngoài	200,331,429	93,000,000
+ Chi phí hệ thống xử lý khí thải	286,539,000	-
Cộng	28,496,247,142	27,306,891,804

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phiếu	31/12/2012 VND	Số lượng cổ phiếu	01/01/2012 VND
Đầu tư dài hạn khác		8,750,000,000		15,890,000,000
Đầu tư cổ phiếu		8,750,000,000		15,890,000,000
+ Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Sabeco	225,000	2,250,000,000	225,000	2,250,000,000
+ Công ty cổ phần bia NGK Sài Gòn - Tây Đô	650,000	6,500,000,000	650,000	6,500,000,000
+ Góp vốn vào Quỹ đầu tư Sabeco 1	-	-	7,000	7,140,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-		(19,817,215)
Cộng		8,750,000,000		15,870,182,785

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí bao bì chờ phân bổ	2,386,459	3,500,147,256
Cộng	2,386,459	3,500,147,256

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	672,940,552	2,091,307,151
Thuế tiêu thụ đặc biệt	19,006,000	50,715,328
Thuế xuất nhập khẩu	-	40,824,953
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,168,036,122	3,549,539,406
Thuế thu nhập cá nhân	13,558,051	17,600,000
Thuế tài nguyên	2,177,640	2,160,000
Cộng	5,875,718,365	5,752,146,838

12. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trích trước chi phí bốc xếp vận chuyển	3,886,999,191	3,637,632,770
Trích trước thù lao HĐQT, BKS	60,000,000	92,000,000
Trích trước tiền thuê đất	4,842,756,000	2,534,292,000
Trích trước chi phí hỗ trợ bán hàng, chi phí khuyến mãi	5,950,700,505	4,909,216,988
Trích trước chi phí thuê đất KCN Mỹ Phước 3	1,335,040,000	-
Trích trước chi phí khác	200,442,649	222,383,378
Cộng	16,275,938,345	11,395,525,136

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	197,691,746	194,262,424
Kinh phí công đoàn	127,590,700	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	9,442,456	9,442,456
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2,177,980,000	2,143,312,000
Cổ tức phải trả	225,830,000	225,830,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	307,995,227	26,030,222
Cộng	3,046,530,129	2,598,877,102

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	85,000,000,000	(347,276,838)	243,036,274	52,044,286,199	6,450,041,779	9,357,366,299
- Lãi trong năm trước						22,762,982,989
- Trích quỹ đầu tư phát triển bổ sung năm 2010	-	-		5,118,546,299		(5,118,546,299)
- Chia cổ tức bằng tiền năm 2010	-	-				(4,238,820,000)
- Trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2011		-	-	2,254,077,012	-	(5,635,192,530)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển				2,254,077,012		(2,254,077,012)
+ Trích quỹ dự phòng tài chính				-	1,127,038,506	(1,127,038,506)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				-	-	(2,254,077,012)
- Tăng giảm khác	-		(43,505,574)		-	-
Số dư cuối năm trước	85,000,000,000	(347,276,838)	199,530,700	59,416,909,510	7,577,080,285	17,127,790,459

X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI AASCN

X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI AASCN

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm nay	85,000,000,000	(347,276,838)	199,530,700	59,416,909,510	7,577,080,285	17,127,790,459
- Lãi trong năm			(199,530,700)			25,074,329,719
- Giảm trong năm					(1,513,812,400)	
- Giảm do bù đắp tổn thất hàng hóa theo nghị quyết 09/NQ-HĐQT (11/01/2013)						
- Phân phối lợi nhuận năm 2011	-	-	-	-	-	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển bổ sung năm 2011	-	-	-	222,212,867	-	(222,212,867)
+ Thường cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức bằng tiền năm 2011	-	-	-	-	-	(12,716,460,000)
- Phân phối lợi nhuận năm 2012 theo nghị quyết 01/NQ-HĐQT (ngày 19/05/2012)	-	-	-	-	-	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển				2,507,432,972		(2,507,432,972)
+ Trích quỹ dự phòng tài chính					1,253,716,486	(1,253,716,486)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi						(2,507,432,972)
+ Thường cho ban điều hành và CBCNV do lợi nhuận vượt kế hoạch						(275,065,944)
Số dư cuối năm	85,000,000,000	(347,276,838)	-	62,146,555,349	7,316,984,371	22,719,798,937

Cổ phiếu quỹ của công ty: Số lượng 22.360 cổ phiếu (tương đương 347.276.838 VND)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	12/31/2012 VND	%	01/01/2012 VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	43,350,000,000	51%	43,350,000,000	51%
Vốn góp của các cổ đông khác	41,650,000,000	49%	41,650,000,000	49%
Cộng	85,000,000,000	100%	85,000,000,000	100%

c) Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	85,000,000,000	85,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	85,000,000,000	85,000,000,000
- Cổ tức đã chia bằng tiền	12,716,460,000	4,238,820,000

d) Cổ phiếu

	12/31/2012	01/01/2012
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8,500,000	8,500,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8,500,000	8,500,000
+ Cổ phiếu phổ thông	8,500,000	8,500,000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	22,360	22,360
+ Cổ phiếu phổ thông	22,360	22,360
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,477,640	8,477,640
+ Cổ phiếu phổ thông	8,477,640	8,477,640

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	333,989,749,640	422,811,700,504
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	333,989,749,640	422,811,700,504
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	6,958,762,350	12,165,914,110
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	6,628,147,821	11,500,685,227
Hàng bán bị trả lại	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	330,614,529	665,228,883
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	327,030,987,290	410,645,786,394
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng	327,030,987,290	410,645,786,394
4. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán, dịch vụ đã cung cấp	241,252,513,310	328,035,287,226
Dự phòng, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	175,538,698	(375,440,695)
Cộng	241,428,052,008	327,659,846,531
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10,475,213,713	10,424,685,747
Lãi đầu tư trái phiếu, cổ phiếu (*)	2,901,955,000	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1,741,683,438	1,466,289,402
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	139,805,122	251,857,257
Cộng	15,258,657,273	12,142,832,406

(*) Lãi do chuyển nhượng 7.000 chứng chỉ Quỹ đầu tư Sabeco 1 cho Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn.

X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI AASCN

6. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	67,387,300	1,952,287,320
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2,402,100	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(19,817,215)	(441,450,007)
Cộng	49,972,185	1,510,837,313

7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thu nhập khác (*)	1,613,471,194	1,482,575,630
	1,613,471,194	1,482,575,630
(*) Bao gồm:		
Thu hỗ trợ từ hoạt động tiền gửi ngân hàng, quảng bá thương hiệu	563,000,000	
Thu từ hỗ trợ doanh số mua hàng	1,044,505,094	
Thu khác	5,966,100	
Cộng	1,613,471,194	

8. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí khác	19,461,321	122,534,916
	19,461,321	122,534,916

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.
Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI AASCN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33,049,485,342	30,020,036,921
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(1,148,862,851)	(102,969,726)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	592,820,587	1,363,319,676
. Lương HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành SXKD	221,000,000	299,000,000
. Chi phí không hợp lệ	368,139,471	175,468,209
. Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản tiền, phải thu	3,681,116	-
. Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khác	-	888,851,467
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1,741,683,438	1,466,289,402
* Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,741,683,438	1,466,289,402
- Tổng lợi nhuận để tính thuế TNDN	31,900,622,491	29,917,067,195
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	7,975,155,623	7,479,266,799
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7,975,155,623	7,479,266,799

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25,074,329,719	22,762,982,989
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25,074,329,719	22,762,982,989
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8,477,640	8,477,640
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,958	2,685

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	221,030,715,336	319,045,056,144
Chi phí nhân công	39,770,494,511	41,432,765,578
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,006,780,872	1,975,910,743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19,980,133,874	13,596,057,728
Chi phí bằng tiền khác	31,859,444,199	28,594,529,194
Cộng	314,647,568,792	404,644,319,387

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Căn cứ hợp đồng thuê lại đất số 172/HĐTLĐ ngày 20/01/2009 và hợp đồng thuê lại đất số 288/HĐTLĐ ngày 15/10/2009 giữa Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp - TNHH Một thành viên với Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương về việc thuê lại đất Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, ngày 22/08/2012 Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp - TNHH Một thành viên đề nghị Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương thanh toán tiền phí quản lý duy tu cơ sở hạ tầng từ năm 2008 đến tháng 8 năm 2012 là: 104.300 USD. Ngoài ra, tiền thuê đất phải trả hàng năm 6 tháng cuối năm 2012 và phí quản lý duy tu cơ sở hạ tầng 4 tháng cuối năm 2012 là 15.840 USD cũng chưa được Công ty ghi nhận. Tuy nhiên, dự án xây dựng nhà máy sản xuất nước giải khát công suất 100 triệu lít/năm tại Khu công nghiệp Mỹ Phước 3 đã tạm dừng triển khai từ giữa năm 2008 cho đến thời điểm hiện tại.

Hiện nay Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương đang đàm phán với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp - TNHH Một thành viên về khoản phải trả này. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề nêu trên.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch chưa VAT(VND)
Tổng công ty Cp Bia Rượu nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Trả cổ tức	6,502,500,000
Tổng công ty Cp Bia Rượu nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ (*)	10,041,955,000
Công ty CP Vận Tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Nhận cung cấp dịch vụ vận chuyển	7,779,729,430
Công Ty CP đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN sabeco	Bên liên quan	Nhận cổ tức	117,219,688
Công Ty CP Bia NGK Sài Gòn Tây Đô	Bên liên quan	Nhận cổ tức	1,624,463,750

(*) Chuyển nhượng 7.000 chứng chỉ Quỹ Đầu tư Sabeco 1 với giá bán 1.434.565 đồng/chứng chỉ (mệnh giá 1.000.000 đồng/chứng chỉ) (Xem thêm ở thuyết minh VI.5)

Cho đến ngày 31/12/2012, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu /(phải trả) (VND)
Tổng công ty Cp Bia Rượu nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Cổ phần bán trả chậm	(155,750,000)
Công ty CP Vận Tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Phải trả tiền cung cấp dịch vụ vận chuyển	(2,850,227,745)
Công Ty CP Bia NGK Sài Gòn Tây Đô	Bên liên quan	Phải thu cổ tức	974,463,750

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	980,126,656	1,494,099,814
Trong đó: Thu nhập của Tổng Giám đốc	295,208,767	400,038,150
Thù lao Hội đồng Quản trị	334,000,000	277,000,000
Cộng	1,314,126,656	1,771,099,814

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

4. Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	12/31/2012 VND	01/01/2012 VND	12/31/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương tiền	48,194,287,941	121,053,284,168	48,194,287,941	121,053,284,168
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20,639,947,619	19,130,647,055	20,639,947,619	19,130,647,055
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	79,000,000,000	-	79,000,000,000	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	8,750,000,000	15,870,182,785	8,750,000,000	15,870,182,785
Cộng	156,584,235,560	156,054,114,008	156,584,235,560	156,054,114,008
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	24,595,017,407	37,337,878,150	24,595,017,407	37,337,878,150
Chi phí phải trả	16,275,938,345	11,395,525,136	16,275,938,345	11,395,525,136
Cộng	40,870,955,752	48,733,403,286	40,870,955,752	48,733,403,286

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị ghi sổ.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác và nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2011 và vào ngày 31/12/2012.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng)

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Người lập biểu
Nguyễn Thị Thu Thủy
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Loan

Quyền Tổng Giám Đốc
Hoàng Chí Thành

